

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ GIA LAI

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Nguyễn Thùy	An				20	3	1989	Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại học Dân lập Văn Lang	Kế toán kiểm toán		GLA00010		VT	VT	VT		GLA00050
2	Nguyễn Trần Thụy	An				19	11	1993	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính		GLA00011		55.00	38.75	60.00		GLA00176
3	Nguyễn Quốc	Ấn	20	11	1992				Xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị - Luật - Tốt nghiệp	Con TB	GLA00014	20	60.00	67.50	65.00		GLA00058
4	Bùi Thị Vân	Anh				8	12	1994	Xã Nhơn Phong, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Tôn Đức Thắng	Tài chính - Ngân hàng		GLA00018		VT	VT	VT		GLA00180
5	Chu Thị Lan	Anh				14	10	1993	Xã Gia Cát, huyện Can Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng	DTTS	GLA00019	20	75.00	48.75	75.00		GLA00137
6	Nguyễn Đào Kim	Anh				20	12	1989	Tây Sơn, Bình Định	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính Nhà nước		GLA00032		VT	VT	VT		GLA00100
7	Nguyễn Thế	Anh	8	6	1988				Xã Gia trưởng, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Đại học Đà Nẵng	Kế toán	Con BB	GLA00035	20	37.50	35.00	62.50		GLA00048
8	Nguyễn Thị Lan	Anh				12	9	1993	Quỳnh Phụ, Thái Bình	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông	Kế toán		GLA00036		90.00	66.25	85.00		GLA00150
9	Trần Hoàng	Anh	26	11	1992				Xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Đà Nẵng	Kế toán	Con TB	GLA00044	20	57.50	35.00	57.50		GLA00063
10	Lê Thị Hồng	Ánh				29	10	1994	Xã Hoàng Đan, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		GLA00045		95.00	61.25	75.00		GLA00088
11	Nguyễn Thị	Bích				16	8	1991	Xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Nghiệp vụ ngân hàng		GLA00053		65.00	38.75	60.00		GLA00154
12	Trần Thị Ngọc	Bích				20	6	1993	Xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		GLA00055		47.50	42.50	55.00		GLA00029
13	Trần Thị Thảo	Bình				2	5	1993	Xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Luật dân sự		GLA00066		42.50	51.25	70.00		GLA00071
14	Nguyễn Thị Mai	Cầm				8	3	1987	Xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Cao đẳng xây dựng số 3	Kế toán Doanh nghiệp		GLA00071		VT	VT	VT		GLA00041
15	Lê Thị Minh	Chánh				20	10	1993	Tây Sơn, Bình Định	Đại học Đà Lạt	Kế toán		GLA00073		VT	VT	VT		GLA00174
16	Lê Thị	Chinh				10	3	1994	Huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên	Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính công		GLA00095		67.50	61.25	70.00		GLA00037
17	Lê Thị	Chung				10	3	1994	Xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng		GLA00097		55.00	47.50	72.50		GLA00144
18	Nguyễn Thị	Danh				25	11	1991	Xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Kế toán doanh nghiệp		GLA00114		VT	VT	VT		GLA00026
19	Nguyễn Văn	Đạt	17	5	1990				Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		GLA00119		VT	VT	VT		GLA00142
20	Hồ Thị Mẫu	Đơn				12	10	1990	Xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán - Kiểm toán		GLA00145		55.00	56.25	67.50		GLA00108
21	Lê Anh	Đức	30	11	1992				Xã Xuân Phương, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		GLA00149		52.50	45.00	70.00		GLA00018
22	Lê Minh	Đức	10	6	1993				Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Đại học Duy Tân	Ngân hàng		GLA00150		VT	VT	VT		GLA00008
23	Phan Thị Mỹ	Dung				9	7	1989	Xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Đại học Văn Hiến	Tài chính - Ngân hàng		GLA00169		60.00	37.50	72.50		GLA00099
24	Nguyễn Quang	Dũng	10	11	1992				Xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Đại học Ngân hàng	Thị trường chứng khoán	Con TB	GLA00181	20	67.50	66.25	77.50		GLA00056

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
25	Nguyễn Trọng	Dũng	23	1	1992				Xã Thạch Phú, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		GLA00183		57.50	48.75	72.50		GLA00064
26	Hồ Hoàng	Dương	27	10	1991				Xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Đại học Văn Lang	Kế toán		GLA00187		60.00	36.25	65.00		GLA00060
27	Nguyễn Đoàn Thị Kiều	Dương				6	12	1990	Xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế - Luật	Kế toán - Kiểm toán		GLA00188		87.50	66.25	75.00		GLA00038
28	Trịnh Thị Thủy	Dương				5	12	1994	Huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính		GLA00190		77.50	61.25	65.00		GLA00065
29	Bùi Thị Bảo	Duyên				23	12	1993	Xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		GLA00195		VT	VT	VT		GLA00126
30	Hà Thị	Duyên				6	11	1989	Xã Quốc Toàn, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính Nhà nước	DTTS	GLA00196	20	VT	VT	VT		GLA00157
31	Phan Thị Hồng	Hà				24	8	1987	Xã Tam Quan Nam, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Duy Tân	Kế toán kiểm toán		GLA00243		30.00	75.00	70.00		GLA00051
32	Trần Thanh	Hà	20	12	1990				Xã Hải Dương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Đại học Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		GLA00244		32.50	52.50	65.00		GLA00027
33	Huỳnh Lê Quốc	Hân	20	10	1992				Xã Tịnh An, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		GLA00258		VT	VT	VT		GLA00036
34	Lê Thị Mỹ	Hằng				4	3	1982	Xã An Nhơn, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		GLA00268		42.50	41.25	57.50		GLA00089
35	Phạm Minh	Hằng				16	3	1989	Xã Nhơn Phong, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		GLA00284		VT	VT	VT		GLA00087
36	Trần Thị	Hằng				10	10	1988	Xã Thanh Phong, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kinh tế phát triển	Con BB	GLA00291	20	77.50	43.75	52.50		GLA00093
37	Hồ Thị Mỹ	Hạnh				14	12	1989	Xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế - Luật	Kinh tế Tài chính Ngân hàng		GLA00299		62.50	50.00	60.00		GLA00059
38	Phan Thị Bích	Hạnh				10	9	1993	Xã Bình Phú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Công nghiệp thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Kế toán		GLA00314		VT	VT	VT		GLA00172
39	Nguyễn Phương	Hào				26	6	1989	Ninh Giang, Hải Dương	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán	Con TB	GLA01073	20	92.50	68.75	82.50		GLA00123
40	Nguyễn Thị Thanh	Hiền				24	6	1993	Xã Hương Phong, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Luật hình sự		GLA00341		65.00	47.50	60.00		GLA00122
41	Nguyễn Thị Thu	Hiền				6	12	1994	Xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế - Luật	Tài chính - Ngân hàng		GLA00342		70.00	83.75	57.50		GLA00022
42	Đoàn Trung	Hiếu	12	12	1993				Xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Tài chính - Marketing	Thuế		GLA00357		62.50	63.75	60.00		GLA00182
43	Nguyễn Thị Thu	Hiếu				1	6	1991	An Nhơn, Bình Định	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		GLA00367		VT	VT	VT		GLA00175
44	Nguyễn Thị	Hoa				25	5	1979	Huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán	Con NHĐKC bị NCDHH	GLA00373	20	65.00	MT	42.50		GLA00021
45	Lương Thị Thanh	Hòa				28	12	1991	Xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		GLA00381		VT	VT	VT		GLA00082
46	Nguyễn Thị	Hòa				6	9	1989	Xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Thương mại	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại		GLA00386		VT	VT	VT		GLA00166
47	Nguyễn Thị	Hòa				16	3	1987	Xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		GLA00384		VT	VT	VT		GLA00098
48	Phạm Ngọc	Hoài	15	3	1990				Xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh tế - Luật	Quản trị kinh doanh		GLA00398		90.00	77.50	85.00		GLA00002
49	Bùi Thị	Hoàn				16	6	1993	Xã Tiên Hải, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		GLA00402		67.50	55.00	67.50		GLA00074
50	Huỳnh Thị Cẩm	Hồng				15	4	1989	Xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tôn Đức Thắng	Quản trị tài chính		GLA00411		55.00	47.50	67.50		GLA00115
51	Đỗ Thị Minh	Huệ				26	11	1994	Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		GLA00419		75.00	57.50	72.50		GLA00053

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
52	Phạm Thị	Hương				20	6	1991	Xã Lộc Yên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Ngân hàng		GLA00453		VT	VT	VT		GLA00010
53	Trần Thị Quỳnh	Hương				2	3	1993	Xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		GLA00455		50.00	45.00	52.50		GLA00069
54	Võ Thị Thảo	Hương				10	3	1993	Xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Ngân hàng		GLA00457		VT	VT	VT		GLA00111
55	Nguyễn Quốc	Huy	23	9	1991				Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị		GLA00465		72.50	61.25	70.00		GLA00095
56	Phạm Quốc	Huy	10	1	1993				Xã Hùng Thắng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		GLA00466		45.00	38.75	50.00		GLA00077
57	Nguyễn Thị	Huyền				16	4	1992	Xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Quang Trung	Tài chính - Ngân hàng		GLA00476		VT	VT	VT		GLA00112
58	Lê Võ Anh	Kha	12	9	1992				Xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Duy Tân	Tài chính - Ngân hàng		GLA00489		52.50	32.50	67.50		GLA00104
59	Huỳnh Lan	Khánh				21	7	1991	Xã Phước Thuận, huyệnTuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		GLA00500		82.50	40.00	75.00		GLA00025
60	Võ Thị Kim	Khương				4	4	1992	Xã Duyên Thái, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Văn Lang	Kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ		GLA00511		82.50	63.75	75.00		GLA00015
61	Lê Thị	Khuyên				19	9	1993	Xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh	Ngân hàng		GLA00512		VT	VT	VT		GLA00081
62	Nguyễn Thái Bảo	Lâm	27	3	1991				Huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đại học Nha Trang	Tài chính - Ngân hàng		GLA00534		VT	VT	VT		GLA00019
63	Trần Đức	Lâm	27	3	1988				Xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Bách khoa	Quản trị kinh doanh		GLA00535		62.50	57.50	80.00		GLA00040
64	Huỳnh Nữ Chi	Lan				19	3	1992	Xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quang Trung	Tài chính - Ngân hàng		GLA00538		52.50	52.50	62.50		GLA00129
65	Vũ Thị Tuyết	Lan				1	2	1980	Xã Thượng Kiêm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		GLA00541		VT	VT	VT		GLA00113
66	Bùi Thị	Linh				20	8	1993	Xã Phú Lương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Đại học Nha Trang	Kế toán		GLA00567		VT	VT	VT		GLA00049
67	Đào Ngọc	Linh	4	10	1990				Xã Khánh Hồng, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		GLA00569		VT	VT	VT		GLA00156
68	Đào Thị Diệu	Linh				28	9	1995	Xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	Trường Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán Nhà nước		GLA00570		62.50	52.50	77.50		GLA00185
69	Dương Phương	Linh				29	3	1995	Xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính công		GLA00572		70.00	88.75	77.50		GLA00184
70	Hà Anh	Linh	24	9	1990				Xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum	Kế toán		GLA00573		VT	VT	VT		GLA00131
71	Trương Thục	Linh				4	12	1993	Xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh - Marketing		GLA00602		VT	VT	VT		GLA00162
72	Vũ Thị Thùy	Linh				10	12	1990	Định Bình, Yên Định, Thanh Hóa	Đại học Kinh tế - Luật	Kế toán - Kiểm toán	Con TB	GLA00604	20	87.50	62.50	72.50		GLA00183
73	Lê Thị Mai	Loan				1	12	1990	Xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế - Kế hoạch - Đầu tư		GLA00608		62.50	62.50	80.00		GLA00143
74	Nguyễn Đức	Lợi	18	8	1990				Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quốc gia thành phố HCM - Đại học Quốc tế	Tài chính - Kế toán		GLA00619		60.00	MT	85.00		GLA00124
75	Trần Thị	Long				12	10	1993	Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính	Con TB	GLA00624	20	60.00	46.25	72.50		GLA00118
76	Phan Ly	Ly				10	7	1992	Xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		GLA00634		67.50	56.25	80.00		GLA00094
77	Phạm Hoàng Thiên	Lý				10	9	1994	Xã Đại Thạnh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế	Ngoại thương		GLA00641		65.00	71.25	75.00		GLA00007
78	Hà Phương	Mai				18	8	1994	Xã Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Tài chính	Hải quan		GLA00643		55.00	51.25	62.50		GLA00084
79	Lê Thị Thanh	Mai				1	2	1989	Xã Tiên Nội, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		GLA00646		VT	VT	VT		GLA00146

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
80	Nguyễn Thị Bình	Minh				23	10	1993	Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế đầu tư		GLA00663		15.00	33.75	52.50		GLA00076
81	Lưu Nguyễn Trà	My				24	11	1989	Xã Bình Lành, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Luật	Kinh tế Tài chính Ngân hàng		GLA00671		VT	VT	VT		GLA00170
82	Nguyễn Thị Trà	My				13	5	1991	Xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		GLA00675		60.00	55.00	60.00		GLA00061
83	Ngô Hữu	Mỹ	17	4	1992				Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		GLA00583		45.00	55.00	60.00		GLA00132
84	Hoàng Thị	Ngân				11	2	1993	Xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế		GLA00708		52.50	41.25	62.50		GLA00102
85	Nguyễn Thị Tố	Ngân				22	11	1992	Xã Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Tài chính - Marketing	Ngân hàng		GLA00721		62.50	72.50	77.50		GLA00055
86	Nguyễn Thy	Ngân				18	4	1992	Xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và KDTT		GLA00722		40.00	42.50	47.50		GLA00168
87	Đinh Văn	Nghĩa	17	12	1991				Xã Diên Phú, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế - Tài chính thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		GLA00728		VT	VT	VT		GLA00017
88	Nguyễn Ngọc Minh	Nghĩa	17	11	1994				Xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công & Quản lý thuế		GLA00729		82.50	38.75	80.00		GLA00012
89	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc				10	12	1992	Xã Lê Lợi, huyện Gia Lộn, tỉnh Hải Dương	Đại học Lạc Hồng	Luật kinh tế		GLA00747		27.50	33.75	65.00		GLA00090
90	Tô Bích	Ngọc				22	10	1994	Xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Luật dân sự		GLA00754		60.00	52.50	70.00		GLA00134
91	Đào Nguyễn Dũng	Nguyên	22	2	1987				Xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế - Luật	Kinh tế học		GLA00761		75.00	57.50	70.00		GLA00006
92	Đỗ Hạnh	Nguyên				28	8	1991	Xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế		GLA00763		47.50	41.25	55.00		GLA00117
93	Trương Đức Bảo	Nguyên	10	11	1991				Xã Bình Giang, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		GLA00772		VT	VT	VT		GLA00163
94	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt				15	9	1993	Xã Song Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán		GLA00778		45.00	28.75	42.50		GLA00114
95	Vũ Thị Thanh	Nhân				31	1	1984	Xã Cẩm Bình, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		GLA00788		VT	VT	VT		GLA00127
96	Trang Thị Ái	Nhật				29	11	1991	Xã Hương Diễn, huyện Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đại học Dân lập Văn Lang	Kế toán - Kiểm toán		GLA00798		55.00	40.00	65.00		GLA00079
97	Đặng Thảo	Như				15	11	1988	An Nhơn, Bình Định	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán Doanh nghiệp		GLA00817		77.50	52.50	77.50		GLA00105
98	Võ Thị Huyền	Như				1	4	1992	Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công & Quản lý thuế		GLA00825		60.00	32.50	62.50		GLA00110
99	Đặng Thị Hồng	Nhung				22	9	1990	Xã Thuận Lộc, huyện Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		GLA00827		82.50	58.75	75.00		GLA00153
100	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				29	9	1990	Xã Nam Thanh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình	Học viện Ngân hàng	Kế toán		GLA00833		VT	VT	VT		GLA00091
101	Võ Thị Hồng	Nhung				19	10	1991	Xã Tịnh Kỳ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		GLA00842		52.50	48.75	57.50		GLA00011
102	Nguyễn Văn	Phong	16	7	1994				Xã Cát Thắng, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế kế hoạch và đầu tư		GLA00870		67.50	57.50	55.00		GLA00068
103	Trương Đình Thành	Phú	30	11	1993				Xã Kim Bồng, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học mở MALAYSIA (OUM)	Tài chính - Ngân hàng		GLA00876		47.50	MT	50.00		GLA00066
104	Đinh Thị Bích	Phương				22	5	1992	Xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản trị kinh doanh quốc tế		GLA00885		42.50	46.25	60.00		GLA00161
105	Dương Thị Thanh	Phương				22	3	1989	Xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học CNTT Gia Định	Quản trị kinh doanh		GLA00887		35.00	41.25	50.00		GLA00062
106	Lê Thị	Phương				27	11	1993	Xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Đại học Quy Nhơn	Kinh tế		GLA00890		55.00	38.75	65.00		GLA00075

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
107	Lê Thị Bích	Phương				26	6	1993	Phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công & Quản lý thuế		GLA00892		82.50	50.00	55.00		GLA00078
108	Nguyễn Hà	Phương				27	3	1994	Xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Công nghiệp thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán Doanh nghiệp		GLA00898		77.50	42.50	62.50		GLA00013
109	Nguyễn Lê	Phương				20	1	1994	Xã Thanh Hà, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Luật quốc tế		GLA00899		82.50	62.50	67.50		GLA00141
110	Nguyễn Thị	Phương				14	10	1994	Xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Đại học Công nghiệp thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán Doanh nghiệp		GLA00903		85.00	52.50	85.00		GLA00181
111	Thái Thị Lan	Phương				26	11	1993	Xã Cửu An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		GLA00915		VT	VT	VT		GLA00072
112	Nguyễn Thị	Phượng				23	10	1993	Xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Nha Trang	Kế toán		GLA00925		52.50	45.00	70.00		GLA00046
113	Hồ Thị Xuân	Quyên				6	6	1994	Huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		GLA00953		62.50	62.50	65.00		GLA00014
114	Trương Bảo	Quyên				9	10	1990	Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Văn Hiến	Quản trị kinh doanh		GLA00961		50.00	42.50	55.00		GLA00042
115	Phan Thị Bích	Quỳnh				18	7	1992	Xã Tú An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	Đại học Nguyễn Tất Thành	Kế toán		GLA00972		70.00	46.25	52.50		GLA00121
116	Ksor Minh	Sơ	22	7	1994				Xã Ia Trôk, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Đại học Quy Nhơn	Quản lý tài chính - kế toán	DTTS	GLA00985	20	45.00	71.25	60.00		GLA00032
117	Hoàng Thị Thanh	Tâm				8	6	1993	Xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		GLA01001		52.50	32.50	40.00		GLA00186
118	Nguyễn Thị Thanh	Tâm						1989	Xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		GLA01005		50.00	38.75	40.00		GLA00016
119	Đinh Thị	Tâm				24	9	1990	Xã Trung Phúc, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Ngân hàng	DTTS	GLA01010	20	40.00	37.50	50.00		GLA00054
120	Lê Thị Thanh	Thanh				12	11	1994	Xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh quốc tế		GLA01032		55.00	72.50	57.50		GLA00103
121	Trần Thị Minh	Thành				8	2	1993	Xã Hải Phong, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		GLA01050		35.00	47.50	52.50		GLA00028
122	Trương Quang	Thành	9	10	1987				Xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		GLA01051		VT	VT	VT		GLA00004
123	Lê Thị Thu	Thảo				2	12	1994	Huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và KDTT		GLA01064		40.00	65.00	55.00		GLA00057
124	Nguyễn Thị Tâm	Thảo				8	12	1994	Huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại học Tài chính - Marketing	Thuế		GLA01082		VT	VT	VT		GLA00125
125	Trần Thị Bích	Thảo				15	5	1994	Xã Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và KDTT		GLA01092		65.00	53.75	77.50		GLA00073
126	Vũ Thạch	Thảo				9	4	1993	Xã Hoảng Sơn, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế - Luật	Luật tài chính - ngân hàng - chứng khoán		GLA01099		72.50	62.50	77.50		GLA00020
127	Trần Quốc Kiến	Thiết	19	5	1991				Hòa Vang, Đà Nẵng	Đại học Công nghệ Đồng Nai	Kế toán - Kiểm toán		GLA01106		55.00	52.50	47.50		GLA00086
128	Nguyễn Thị Ngọc	Thiệu				10	10	1993	Xã Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị tài chính		GLA01104		VT	VT	VT		GLA00043
129	Phan Văn	Thịnh	13	12	1991				Xã Thanh Giang, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Văn Lang	Kế toán		GLA01107		52.50	51.25	50.00		GLA00179
130	Nguyễn Thị Uyên	Thoa				23	3	1991	Đông Hải, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế - Luật	Kinh tế đối ngoại		GLA01119		VT	VT	VT		GLA00044
131	Hoàng Thị	Thư				28	3	1993	Xã Kỳ Khang, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Học viện Hậu cần	Tài chính - Ngân hàng		GLA01143		92.50	48.75	77.50		GLA00047
132	Nguyễn Thị Anh	Thư				12	8	1993	Xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Công nghiệp thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng	Con TB	GLA01155	20	VT	VT	VT		GLA00034
133	Bùi Thị Thanh	Thương				25	2	1992	Xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	Đại học Duy Tân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		GLA01165		45.00	43.75	70.00		GLA00101
134	Đậu Thị Ngọc	Thủy				19	9	1991	Xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính doanh nghiệp		GLA01200		60.00	66.25	62.50		GLA00092

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
135	Lê Thị	Thủy				25	8	1992	Xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Đà Nẵng	Kinh tế phát triển		GLA01205		VT	VT	VT		GLA00145
136	Nguyễn Thị Bích	Thủy				9	11	1987	Xã Nhơn An, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		GLA01212		70.00	65.00	57.50		GLA00120
137	Lương Thị Lệ	Thỳ				10	10	1988	Xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Sài Gòn	Kế toán		GLA01210		67.50	40.00	70.00		GLA00097
138	Trần Trương Thị Thảo	Tiên				12	11	1992	Xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Nha Trang	Kế toán		GLA01230		60.00	50.00	45.00		GLA00039
139	Võ Thị Thủy	Tiên				14	11	1994	Sơn Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		GLA01231		52.50	52.50	70.00		GLA00003
140	Nguyễn Chí	Tiến	27	7	1990				Xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Văn Lang	Tài chính - Ngân hàng	Con NHCS như TB	GLA01233	20	35.00	56.25	85.00		GLA00005
141	Đinh Thị Mỹ	Trang				1	10	1992	Xã Xuân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình	Đại học Sài Gòn	Kế toán		GLA01285		VT	VT	VT		GLA00083
142	Lê Huyền	Trang				27	7	1992	Xã Đông Phú, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh	Tín dụng		GLA01293		80.00	76.25	67.50		GLA00119
143	Lê Thị Mỹ	Trang				9	12	1988	Xã Hành Đông, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		GLA01295		50.00	58.75	62.50		GLA00052
144	Nguyễn Bạch Thu	Trang				28	11	1992	Xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		GLA01297		VT	VT	VT		GLA00023
145	Nguyễn Hồng	Trang				29	5	1990	Phường Tây Sơn, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	Đại học Quang Trung	Tài chính - Ngân hàng		GLA01298		32.50	38.75	42.50		GLA00070
146	Nguyễn Thị Huyền	Trang				29	4	1991	Xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Văn Hiến	Tài chính - Ngân hàng		GLA01304		VT	VT	VT		GLA00030
147	Nguyễn Thủy	Trang				18	6	1993	Tổ dân phố 8, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Đại học Quy Nhơn	Quản lý tài chính - kế toán		GLA01315		67.50	53.75	70.00		GLA00045
148	Trần Thị	Trang				2	8	1990	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học Đà Lạt	Kế toán	Con TB	GLA01327	20	55.00	37.50	60.00		GLA00109
149	Trịnh Thị Quỳnh	Trang				11	12	1989	Xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	Đại học Thương mại	Tài chính - Ngân hàng thương mại		GLA01334		VT	VT	VT		GLA00149
150	Đặng Hiếu	Trung	15	4	1989				Quảng Hưng, Quảng Trạch, Quảng Bình	Đại học Huế	Luật kinh tế - Quốc tế		GLA01375		VT	VT	VT		GLA00139
151	Nguyễn Lộc	Trường	26	8	1989				Xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh	Tín dụng		GLA01384		VT	VT	VT		GLA00167
152	Ngô Khôn	Tú	17	9	1988				Xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Ngân hàng		GLA01390		VT	VT	VT		GLA00158
153	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tú				8	2	1988	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Nha Trang	Kế toán		GLA01391		VT	VT	VT		GLA00178
154	Nguyễn Song Cẩm	Tú				6	12	1992	Xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		GLA01392		35.00	43.75	42.50		GLA00033
155	Nguyễn Đức	Tuấn	20	12	1987				Xã Hoài Tâm, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Viện đại học Mở Hà Nội	Kế toán		GLA01405		42.50	26.25	82.50		GLA00128
156	Đặng Thị Thanh	Tuyền				19	10	1992	Xã Nhơn Hạnh, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Quản lý tài chính - kế toán		GLA01422		VT	VT	VT		GLA00165
157	Trần Thị	Tuyết				10	3	1992	Xã Hà Linh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh	Ngân hàng quốc tế		GLA01442		57.50	43.75	65.00		GLA00067
158	Đoàn Phương	Uyên				25	6	1994	Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công & Quản lý thuế		GLA01446		37.50	43.75	57.50		GLA00159
159	Huỳnh Mỹ Phương	Uyên				19	8	1994	Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Kế toán	Tài chính doanh nghiệp		GLA01448		VT	VT	VT		GLA00138
160	Trần Trọng Quỳnh	Uyên				19	11	1988	Xã Bình Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		GLA01463		47.50	30.00	47.50		GLA00116
161	Hồ Thị Kiều	Vân				11	11	1991	Xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		GLA01466		VT	VT	VT		GLA00096
162	Nguyễn Khoa Thị Mỹ	Vân				9	10	1984	Xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại học Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán		GLA01470		37.50	42.50	45.00		GLA00085

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
163	Lê Thị Hoàng	Vi				15	7	1992	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Quy Nhơn	Tài chính công & Quản lý thuế		GLA01489		VT	VT	VT		GLA00147
164	Bùi Anh	Vũ	20	10	1993				Huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Quy Nhơn	Ngân hàng và KDTT		GLA01517		70.00	48.75	67.50		GLA00135
165	Lê Hồng Anh	Vy				6	4	1991	Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		GLA01530		VT	VT	VT		GLA00130
166	Bùi Văn	Xuân	8	2	1989				Xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	Đại học Dân lập Văn Lang	Tài chính - Ngân hàng		GLA01544		37.50	47.50	65.00		GLA00148
167	Rcom	Y Sac	23	6	1989				Bôn Tham, xã Ia Tróck, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Đại học Tài chính Kế toán	Ngân hàng	DTTS	GLA01557	20	85.00	35.00	52.50		GLA00035
168	Bùi Ngọc	Yến				6	9	1989	Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		GLA01562		52.50	45.00	42.50		GLA00164
169	Nguyễn Thị	Yến				8	1	1992	Xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		GLA01572		VT	VT	VT		GLA00080
170	Trần Thị Hồng	Yến				13	4	1982	An Khê, Gia Lai	Viện đại học Mở Hà Nội	Kế toán tổng hợp		GLA01577		37.50	31.25	52.50		GLA00133
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Bùi Hữu	Đăng	25	6	1987				Huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông	Công nghệ thông tin		GLA01586		70.00	28.75			GLA00031
2	Nguyễn Bình	Nguyên	10	11	1988				Xã Kỳ Trinh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Duy Tân	Cao đẳng công nghệ thông tin		GLA01610		VT	VT			GLA00106
3	Nguyễn Hữu	Quý	8	8	1983				Xã Đại Cường, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Đại học Duy Tân	Kỹ thuật mạng		GLA01623		40.00	37.50			GLA00152
4	Nguyễn Thị Trí	Tâm				10	6	1991	Xã Cát Thắng, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Điện tử - Viễn thông		GLA01628		52.50	41.25			GLA00136
5	Nguyễn Văn	Thắng	18	12	1991				Xã Lộc Yên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin		GLA01630		VT	VT			GLA00151
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
1	Trần Xuân	Cầm	28	4	1988				Xã Hòa Quang Bắc , huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Học viện Ngân hàng phân viện Phú Yên	Nghiệp vụ ngân hàng	Con TB	GLA01650	20	56.00	26.00	76.00		GLA00001
2	Trương Hữu	Danh	20	12	1991				Xã Nhơn Hạnh, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	Đại học Tài chính - Kế toán	Ngân hàng		GLA01652		VT	VT	VT		GLA00177
3	Nguyễn Thành	Lộc	2	7	1994				Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Cao đẳng Tài chính - Hải quan	Tài chính Nhà nước		GLA01655		48.00	52.00	76.00		GLA00140
4	Đoàn Thị Thu	Mân				4	2	1986	Thôn An Thạch, xã Tú An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán HCSN		GLA01656		48.00	44.00	68.00		GLA00169
5	Phạm Thị Hồng	Nhung				2	4	1984	Xã Khánh Yên, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán		GLA01660		44.00	48.00	80.00		GLA00155
6	Đặng Mai	Thảo				22	3	1994	Phù Mỹ, Bình Định	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		GLA01663		56.00	58.00	64.00		GLA00009
7	Trương Thị Mỹ	Thiện				20	6	1993	Xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		GLA01664		60.00	40.00	68.00		GLA00160
8	Lê Thị Thu	Thúy				2	9	1994	Xã Cát Chánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại học Công nghiệp thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		GLA01666		40.00	36.00	72.00		GLA00173
9	Hoàng Nguyễn Khánh	Toàn	24	5	1992				Nghệ An	Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		GLA01667		64.00	72.00	76.00		GLA00024
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			